

THỦ TƯỚNG CHÍNH
PHỦ
Số: 25/2008/QĐ-TTg

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 5 tháng 2 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

***Về việc ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển
kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010***

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại tờ trình số 8409/TTr-BKH ngày
15 tháng 11 năm 2007,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành một số cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội đối với các tỉnh vùng Tây Nguyên đến năm 2010 (gồm các tỉnh: Gia Lai, Kon Tum, Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng) với nội dung chủ yếu sau:

1. Một số mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2010:

- Tốc độ tăng trưởng GDP của Vùng đạt bình quân hàng năm từ 12 - 13%;
- Giảm tỷ lệ hộ nghèo mỗi năm từ 3 - 4%, thực hiện xóa đói giảm nghèo bền vững, không để tái đói nghèo;
- Giải quyết việc làm mới cho từ 12 - 14 vạn lao động/năm;
- Tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 25 - 30%;

- Tổng diện tích rừng đạt khoảng 3,54 triệu ha (rừng phòng hộ 95 vạn ha), năng độ che phủ rừng đạt 65%;
- Tỷ lệ dân dùng nước sạch ở thành phố 95%; ở nông thôn 80%.

2. Nhiệm vụ trọng tâm phát triển một số ngành, lĩnh vực chủ yếu.

a) Ngành công nghiệp

Tập trung đầu tư một số ngành chủ yếu như: chế biến nông, lâm sản, thủy điện, sản xuất vật liệu xây dựng và khai khoáng.

- Công nghiệp chế biến nông, lâm sản:

Phát triển ngành công nghiệp chế biến nông, lâm sản là nhiệm vụ trọng tâm của mỗi địa phương trong Vùng từ nay đến năm 2010. Mục tiêu là xây dựng ngành công nghiệp chế biến trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn của Vùng.

Việc xây dựng các cơ sở công nghiệp chế biến nông, lâm sản chủ yếu dựa vào nguồn nguyên liệu sẵn có, khả năng sản xuất của địa phương và phải trên cơ sở quy hoạch ngành, quy hoạch sản phẩm chủ yếu của Vùng đã được phê duyệt. Đầu tư thiết bị tiên tiến, công nghệ hiện đại để sản phẩm có chất lượng cao, đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

Việc phát triển công nghiệp cần đa dạng hóa về quy mô và loại hình sản xuất, kết hợp quy mô vừa và nhỏ, xây dựng cơ sở chế biến tập trung tại các vùng nguyên liệu lớn, khuyến khích phát triển chế biến thủ công hoặc sơ chế theo hộ gia đình đối với những loại sản phẩm đơn giản, sản xuất ở vùng xa nhà máy; khuyến khích các thành phần kinh tế trong nước và nước ngoài tham gia đầu tư phát triển công nghiệp.

Ưu tiên phát triển một số ngành công nghiệp chế biến có điều kiện đầu tư tập trung quy mô lớn như cà phê, cao su, điều, bông, chè, thịt, sữa,... Phấn đấu đến năm 2010 có ít nhất 50% sản lượng cà phê tại địa bàn được chế biến thành sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao, có thương hiệu để xuất khẩu. Đầu tư nâng cấp thiết bị, đồng bộ hóa dây chuyền đối với những nhà máy sản xuất cao su hiện có và xây dựng mới một số nhà máy để có cơ cấu sản phẩm: mủ cốm chiếm khoảng 45%, mủ kem 20%, mủ cao su kỹ thuật chiếm khoảng 35- 40%; trong đó một phần được sản xuất ra

thành sản phẩm chất lượng cao như sắt, lốp ô tô, băng tải,... để thay thế hàng nhập khẩu. Chế biến bông, hạt điều chủ yếu lựa chọn dây chuyền công nghệ hợp lý, đa dạng hoá các sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất. Chế biến chè chủ yếu giữ công suất các nhà máy hiện có, chỉ đầu tư thay đổi thiết bị công nghệ để có trên 70% sản lượng chè đạt tiêu chuẩn xuất khẩu.

Tổ chức lại các cơ sở sản xuất đường hiện có đi đôi với việc duy trì sản xuất đường thủ công nhằm đáp ứng các nhu cầu tiêu dùng của nhân dân địa phương. Chế biến ngô, tinh bột sắn phục vụ nhu cầu ăn, chăn nuôi và xuất khẩu phù hợp với vùng nguyên liệu; hạn chế phát triển sắn để bảo vệ môi trường và chống xói mòn đất.

Chế biến lâm sản, chủ yếu là gỗ, kể cả việc tận dụng gỗ cây cao su thanh lý hàng năm. Hướng đầu tư chính là sản xuất ván nhân tạo, gỗ ván dăm, đồ mộc tinh chế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

- Về thủy điện, tập trung hoàn thành các dự án đang xây dựng, từng bước đa dạng hoá phương thức đầu tư và kinh doanh điện đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái, kết hợp xây dựng các công trình thủy điện với cấp nước sản xuất, sinh hoạt cho đồng bào trong Vùng.

- Tăng cường dịch vụ cơ khí sửa chữa phục vụ cơ giới nông nghiệp, phương tiện vận tải, sản xuất nông cụ, phụ tùng thay thế cho công nghiệp chế biến; phát triển thủ công nghiệp, sản xuất các mặt hàng truyền thống ở địa phương.

- Đầu tư sớm các cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng như xi măng, gạch nung, đá, fenspat,... Khai thác bauxite, sản xuất alumin, tiến tới luyện nhôm, v.v.

b) Ngành nông, lâm nghiệp

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất nông, lâm nghiệp trên cơ sở bảo vệ, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của Vùng. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn theo hướng tập trung thâm canh, tạo sản phẩm có giá trị kinh tế cao, tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

- Về trồng trọt, đẩy mạnh sản xuất lương thực, thực phẩm và các loại cây có giá trị kinh tế cao; có chính sách hỗ trợ, giúp đỡ đồng bào dân tộc thiểu số xây dựng vườn gia đình để cải thiện và nâng cao dinh dưỡng trong bữa ăn hàng ngày.

Nhiệm vụ trọng tâm sản xuất nông nghiệp là tiếp tục phát triển cây công nghiệp dài ngày cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến như cao su, cà phê, điều,... Mục tiêu đến năm 2010 là trồng mới khoảng 10 vạn ha cao su đưa diện tích lên khoảng trên 20 vạn ha; tiếp tục giảm diện tích cà phê ở những nơi thiếu nước, sản xuất kém hiệu quả, để ổn định diện tích khoảng từ 33 - 35 vạn ha, trồng thêm cây điều và các loại cây công nghiệp khác có giá trị kinh tế cao, chú trọng trồng hoa cao cấp ở những nơi có điều kiện phục vụ nhu cầu tại chỗ và xuất khẩu.

- Về chăn nuôi, phấn đấu bình quân mỗi năm đàn trâu tăng 3%, đàn bò tăng 6%, đàn lợn tăng từ 3 - 3,5%. Nhiệm vụ trọng tâm là phát triển đàn bò thịt, bò sữa, hướng tới sản xuất hàng hoá tập trung có chất lượng cao, đến năm 2010 có khoảng 5 nghìn con bò sữa nuôi tập trung theo quy hoạch, cung cấp đủ sữa cho nhà máy chế biến. Khuyến khích hộ gia đình phát triển chăn nuôi gia cầm, nuôi trồng thuỷ sản ở những nơi có điều kiện.

- Về lâm nghiệp, thực hiện rà soát quy hoạch ba loại rừng: rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng kinh tế, chuyển một phần diện tích rừng phòng hộ sang trồng rừng kinh tế để giao cho dân sản xuất, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp chế biến, tạo thu nhập cho người trồng rừng, ưu tiên giải quyết đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số và một bộ phận công nhân sống bằng nghề rừng. Trong 5 năm trồng mới 25 vạn ha rừng, chủ yếu trồng rừng nguyên liệu gỗ và trồng cây công nghiệp lâu năm để tăng độ che phủ; đẩy nhanh việc giao khoán rừng đặc dụng, rừng phòng hộ cho cộng đồng buôn làng và hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ trực tiếp quản lý, bảo vệ, tận thu sản phẩm từ rừng. Phấn đấu trong mười năm tới xây dựng ngành lâm nghiệp Tây Nguyên thành Vùng trọng điểm phát triển lâm nghiệp của cả nước. củng cố tổ, đội quản chúng bảo vệ rừng ở các buôn, làng thông qua việc nghiên cứu, vận dụng một số cơ chế, chính sách phù hợp để huy động sức mạnh tổng hợp của chính quyền, đoàn thể chính trị xã hội và nhân dân trong việc bảo vệ rừng; xử lý nghiêm minh nạn khai thác rừng bừa bãi, phòng, chống cháy rừng có hiệu quả, nghiêm chỉnh thực hiện chủ trương đóng cửa rừng ở các tỉnh.

Tiếp tục sắp xếp đổi mới nông trường, lâm trường quốc doanh, chuyển nhiệm vụ của nông trường, lâm trường theo hướng cung cấp dịch vụ đầu vào, đầu ra cho hộ nông dân, trả lại đất cho địa phương để cung cấp đất sản xuất cho dân và tạo việc làm cho người lao động.

Cần lồng ghép các dự án để phát triển nông nghiệp theo hướng thân thiện với môi trường, góp phần thay đổi phong tục tập quán của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

c) Ngành thương mại, dịch vụ

Từng bước sắp xếp các loại hình dịch vụ thương mại như chợ, trung tâm thương mại, hợp tác xã cung ứng dịch vụ cho người dân ở cả 3 khu vực thành thị, nông thôn, vùng đặc biệt khó khăn. củng cố cơ sở thu mua hàng xuất khẩu, chú ý những mặt hàng truyền thống chế biến từ nguyên liệu tại chỗ. Ưu tiên phát triển ngành du lịch để giải quyết lao động, việc làm, tăng thu nhập và góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

Lập quy hoạch và kế hoạch phát triển các khu kinh tế cửa khẩu biên giới với Lào, Campuchia; tăng cường hợp tác kinh tế đối ngoại vùng biên giới, tiếp tục mở rộng quan hệ hợp tác với các tỉnh của Lào và Campuchia nhằm khai thác có hiệu quả tiềm năng hành lang kinh tế Đông - Tây, tăng cường giao lưu giữa các quốc gia trong khu vực để cùng phát triển.

Phát triển hạ tầng bưu chính - viễn thông và công nghệ - thông tin theo hướng đồng bộ, hiện đại, đa dạng hoá các loại hình dịch vụ.

Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ tài chính, ngân hàng nhằm góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển.

d) Khoa học - công nghệ và bảo vệ môi trường

- Tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật và cán bộ nghiên cứu cho các cơ sở nghiên cứu khoa học hiện có ở Tây Nguyên để trực tiếp phục vụ phát triển kinh tế - xã hội Vùng.

- Chú trọng việc gìn giữ, bảo vệ cảnh quan, môi trường, thực hiện đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư. Xử lý tốt chất thải rắn, chất thải nguy hại, chất